

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN CẦU
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 10/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 21-3-2025

V/v tranh chấp “Ly hôn
và con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU, TỈNH TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Tèo; bà Trần Thị Lãm.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Tuyết Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 219/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn, con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2025/QĐXXST-HN ngày 24 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2025/QĐST-HNGĐ ngày 13/3/2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1999; cư trú tại: Ấp CN, xã PT, huyện GD, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1996; cư trú tại: Tổ 7, ấp B, xã TT, huyện BC, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- **Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:** Chị và anh Nguyễn Văn Ph kết hôn tự nguyện vào năm 2020, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện BC, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng chung sống có 01 con chung tên Nguyễn Gia H, sinh ngày 24/10/2020 (nam) hiện nay đang sống cùng chị tại ấp CN, xã PT, huyện GD.

Trong thời gian chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn, do anh Ph không phụ giúp kinh tế gia đình, thường xuyên tụ tập ăn chơi, tự ý vay nợ và bán xe trả nợ. Khi chị sinh con ở nhà mẹ đẻ, anh Ph không chăm sóc hai mẹ con, đến khi chị và con về nhà anh Ph ở thì chỉ có cha mẹ chồng giúp đỡ chăm sóc. Chị và anh Ph không có tiếng nói chung, thường xuyên mâu thuẫn, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Ph.

Từ tháng 11 năm 2024, chị và con trai đã về nhà mẹ đẻ ở xã PT, huyện GD để sinh sống cho đến nay.

Về con chung: Chị yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh Ph cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

- *Bị đơn anh Nguyễn Văn Ph trình bày:* Anh thống nhất với lời trình bày của chị Linh về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Trong thời gian chung sống, anh chị có mâu thuẫn nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống. Nay chị T yêu cầu ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Anh và chị T có 01 con chung tên Nguyễn Gia H, sinh ngày 24/10/2020 (nam); anh yêu cầu được nuôi con, không đồng ý để chị T nuôi con vì chị T đi làm, con ở nhà với bà ngoại, mẹ chị T sức khỏe không tốt. Anh hiện nay vẫn đi làm và có thu nhập, sống cùng cha mẹ. Không yêu cầu chị T cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T đối với anh Nguyễn Văn Ph. Giao cho chị T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 24/10/2020 (nam). Anh Ph không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu. Tài sản, chị T và anh

Ph khai không có, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết; Nợ chung, chị T và anh Ph khai không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị T phải chịu án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị T khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con với anh Ph nên xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp ly hôn, con chung” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Nguyễn Văn Ph cư trú tại xã TT, huyện BC, tỉnh Tây Ninh nên Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu thụ lý và giải quyết là đúng theo qui định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn Ph kết hôn trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Xét tình trạng hôn nhân của anh chị thấy rằng: Anh chị chung sống và đăng ký kết hôn từ năm 2020, trong thời gian sống chung anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh Ph không chăm lo kinh tế gia đình, vợ con. Tại tòa, anh Ph trình bày đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị T nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về con chung: Chị T, anh Ph có một con chung là cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 24/10/2020. Chị T, anh Ph đều có yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Việc nuôi con căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con, xem xét các điều kiện, đảm bảo việc học hành, các điều kiện về vật chất, tinh thần cho con.

[3.1] Xét điều kiện nuôi con của chị T, anh Ph thấy rằng: Chị T hiện nay đang sống cùng nhà mẹ đẻ tại ấp CN, xã PT, huyện GD, tỉnh Tây Ninh; đi làm tại Công ty TNHH Quốc tế May mặc JIL (xã Lợi Thuận, huyện Bến Cầu), mức thu nhập mỗi tháng từ 7.000.000 đồng đến 9.000.000 đồng.

Anh Ph đang sinh sống cùng cha mẹ tại ấp B, xã TT, huyện BC; là lao động tự do, không chứng minh được thu nhập.

Chị T đã đưa con trai về sống tại nhà mẹ đẻ ở xã Phước Trạch, huyện Gò Dầu từ tháng 11 năm 2024. Từ đó cho đến nay, anh Ph không đến thăm vợ, con hay có thiện chí hòa giải, đoàn tụ.

[3.2] Cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 24/10/2020, từ nhỏ do chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hiện nay đang sống cùng chị T nên có căn cứ giao con cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn Ph khai không có, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn Ph khai không có nên không xem xét giải quyết.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T với anh Nguyễn Văn Ph. Chị T được ly hôn với anh Ph.

2. Về con chung: Giao cho chị T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 24/10/2020. Anh Ph không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

Anh Ph có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn Ph khai không có nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn Ph khai không có nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0012479 ngày 10-12-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu. Ghi nhận chị T đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA. TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- Chi cục THADS huyện Bến Cầu;
- UBND xã Tiên Thuận (Số 05/2020);
- Các đương sự;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Thị Oanh